

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 3407/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 về việc triển khai thực quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; số 2676/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 về phê duyệt đơn giá hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; số 3567/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; số 87/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 255/TTr-STNMT ngày 16/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2021, với các nội dung chính sau:

1. Tên đề cương: Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2021.

2. Mục đích: quan trắc thường xuyên các thành phần môi trường nước, không khí, đất, trầm tích trên địa bàn toàn tỉnh. Cung cấp số liệu, thông tin về chất lượng môi trường, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đơn vị chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Đơn vị lập đề cương và dự toán: Chi cục Bảo vệ môi trường Quảng Nam.

5. Quy mô quan trắc:

\* Số điểm quan trắc: 106 điểm quan trắc, trong đó:

- Môi trường nước mặt (sông, hồ): 40 điểm;

- Môi trường nước dưới đất: 20 điểm;

- Môi trường nước biển ven bờ: 06 điểm;
- Môi trường không khí xung quanh: 29 điểm;
- Môi trường đất: 05 điểm;
- Trầm tích: 06 điểm.

\* *Thông số, tần suất quan trắc:*

STT	Môi trường	Tần suất	Thông số quan trắc	Quy chuẩn áp dụng
1	Nước mặt (sông, hồ)	Nước sông: 12 lần/năm	pH, DO, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , Fe, Pb, Hg, Cd, As, tổng Cr, Mn, CN <sup>-</sup> , dầu mỡ, Coliform, E.coli, Thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Aldrin, Benzen hexachloride, Dieldrin, tổng Dichloro diphenyl trichloroethane).	QCVN 08-MT:2015/BTNMT
		Nước hồ: 4 lần/năm	Cl <sup>-</sup> , chất hoạt động bề mặt (quan trắc 16 điểm nước sông thuộc 6 huyện, thị xã, thành phố có biển).	
2	Nước dưới đất	4 lần/năm	pH, độ cứng, TDS, chỉ số permanganat, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> , Cl <sup>-</sup> , F <sup>-</sup> , Fe, Mn, As, E.coli, Coliform.	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
3	Nước biển ven bờ	4 lần/năm	pH, TSS, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N, Pb, Cd, Cr, Fe, Hg, CN <sup>-</sup> , tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.	QCVN 10-MT:2015/BTNMT
4	Đất	1 lần/năm	As, Cd, Cu, Pb, Zn, Thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Aldrin, Endrin, Heptachlor, Lindane, DDT).	QCVN 03-MT:2015/BTNMT
5	Trầm tích	1 lần/năm	As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr, Cu.	QCVN 43:2012/BTNMT
6	Không khí xung quanh	12 lần/năm	Tiếng ồn, Bụi lơ lửng, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO; Thông số khí tượng (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió).	QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2009/BTNMT
			Thông số khí tượng (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió), NH <sub>3</sub> , H <sub>2</sub> S, CH <sub>3</sub> SH cho các vị trí khu dân cư gần bãi rác.	

6. Sản phẩm quan trắc:

- Số liệu quan trắc hằng tháng và cả năm;

- Báo cáo kết quả quan trắc theo đợt (12 báo cáo, mỗi tháng 01 báo cáo);
- Báo cáo kết quả quan trắc năm 2021 (01 báo cáo tổng hợp và 01 báo cáo tóm tắt);
- Cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường năm 2021.

7. Dự toán kinh phí:

STT	Nội dung	Kinh phí không bao gồm chi phí thiết bị (đồng)	Kinh phí đã bao gồm chi phí thiết bị (đồng)
<b>I</b>	<b>Chi phí quan trắc môi trường (1+2)</b>	<b>4.956.193.845</b>	<b>5.415.185.175</b>
<i>1</i>	<i>Quan trắc hiện trường và phân tích mẫu</i>	<i>4.722.793.845</i>	<i>5.181.785.175</i>
1.1	Nước sông, hồ	3.583.797.000	3.844.905.960
1.2	Nước dưới đất	334.152.000	373.816.800
1.3	Nước biển ven bờ	123.913.440	139.154.400
1.4	Không khí	639.446.220	775.089.000
1.5	Đất	17.273.025	18.870.075
1.6	Trầm tích	24.212.160	29.948.940
<i>2</i>	<i>Vận chuyển</i>	<i>233.400.000</i>	<i>233.400.000</i>
<b>II</b>	<b>Nhập cơ sở dữ liệu quan trắc</b>	<b>29.977.372</b>	<b>30.757.476</b>
<b>III</b>	<b>Kinh phí cho hoạt động kiểm tra, giám sát</b>	<b>20.750.000</b>	<b>20.750.000</b>
<b>IV</b>	<b>Kinh phí Hội nghị</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.000.000</b>
<b>Tổng cộng (I+II+III+IV) (làm tròn)</b>		<b>5.011.000.000</b>	<b>5.471.000.000</b>

Ghi chú: kinh phí trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

8. Nguồn kinh phí: kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2021 giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tại điểm 2.1, khoản 2, Mục III, Phần B, Phụ lục kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh với số tiền 5.000 triệu đồng. Nguồn kinh phí còn thiếu (chưa bố trí trong năm 2021), giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tình hình thực hiện các nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đã giao dự toán năm 2021 để tham mưu điều chỉnh dự toán cho Chương trình này, trường hợp không thể điều chỉnh dự toán thì căn cứ tiến độ thực hiện Chương trình này để đề xuất bổ sung dự toán.

9. Thời gian thực hiện: từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc năm 2021 đã được phê duyệt theo đúng quy định.

- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi, hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán theo quy định;

- Các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện Chương trình nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, TH, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**